

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/2YOU/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH 2YOU**

Địa chỉ: 51 Đội Cấn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0909 300 808

Email: 2youltd@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 5801271057

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ĐGT86/2023/NNPTNT-LĐ. Ngày cấp: 17/07/2023. Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Lâm Đồng.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TRÀ OOLONG**

2. Thành phần: 100% Trà oolong.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- + Quy cách đóng gói: 2 g, 100 g, 250 g, 500 g, 5 kg, 30 kg, 50 kg...
- + Chất liệu bao bì: Túi PE, PP, OPP...

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Phụ lục đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN 01-07:2009/BNNPTNT BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Cơ sở chế biến chè - Điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

QCVN 8-2: 2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Thông tư 19/2022/TT-BNNPTNT - Ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.



Thông tư 50/2016/TT-BYT - Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

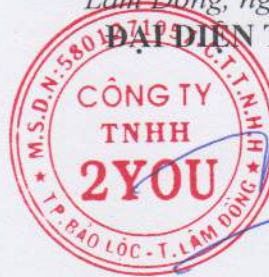
TCVN 12713:2019 – Chè Ôlong - Yêu cầu cơ bản.

Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Chu Thị Thùy



TRÀ OOLONG

Khối lượng tịnh: 50 kg

Thành phần: 100% Trà oolong.

HDSD, BQ: Dùng để pha chế thức uống.

Bảo quản nơi khô, mát, đảm bảo vệ sinh.

Không sử dụng khi sản phẩm có hiện tượng mốc, mùi lạ!

Số CB: 06/2YOU/2023

HSD: 24 tháng. NSX: in trên bao bì.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH 2YOU

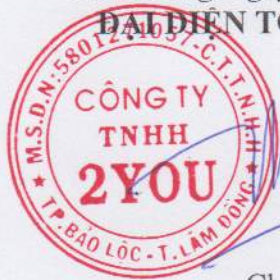
ĐC: 51 Đội Cấn, phường Lộc Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng, Việt Nam

ĐT: 0909 300 808 - 02633 518 815

Email: 2youltd@gmail.com - Website: www.hiyou.com.vn

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Chu Thị Thùy



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 230705/1/0489-1

Trang: 01/01

- 1 Đơn vị (người) gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH 2YOU**
2 Địa chỉ : 51 Đội Cấn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
3 Tên mẫu : **TRÀ OOLONG**
4 Khối lượng : 0,5kg 5. Số lượng mẫu: 01
6 Mô tả mẫu : Dạng khô
7 Ngày nhận mẫu : 05/7/2023 8. Ngày trả kết quả: 11/7/2023
9 Kết quả thử nghiệm : Tính trên mẫu thực tế

Stt	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	Độ ẩm	%	1,35	TCVN 5613-2007
2	Chất chiết trong nước	%	33,8	TCVN 5610-1991
3	Tro tổng số	%	4,22	TCVN 5611-2007
4	Tro tan trong nước (tính trên tro tổng)	%	70,5	TCVN 5612-2007
5	Tro không tan trong axit	%	0,35	TCVN 5612-2007
6	Xơ thô	%	15	TCVN 5714-1993
7	Độ kiềm của tro tan trong nước (tính theo KOH)	%	1,3	TCVN 5085 - 1990
8	Asen*	mg/kg	0,05	TCVN 7770:2007
9	Cadimi*	mg/kg	KPH (LOQ=0,02)	AOAC 999.11
10	Chì*	mg/kg	0,10	AOAC 999.11
11	Thủy ngân*	mg/kg	KPH (LOQ=0,02)	AOAC 971.21
12	Chè vụn (lọt sàng có Φ1mm)	%	0,40	/
13	Chè bụi (lọt sàng có Φ 0,35mm)	%	0	/
14	Catechin tổng số	%	11,5	TCVN 9745-2:2013
15	Polyphenol tổng số	%	15,2	TCVN 9745-1:2013
16	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOQ=0,1)	HPLC
17	Dư lượng TBVTV			
	Chlorpyrifos*	mg/kg	0,06	QTTTPT-13 (2020) Ref. EURL – FV (2010 –M4)
	Methidathion*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Endosulfan*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Permethrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Cypermethrin*	mg/kg	0,11	
	Fipronil*	mg/kg	KPH (LOQ=0,002)	
	Propargite	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
	Profenofos*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	

Giám đốc
Trung tâm Phân tích

(Signature)

Nguyễn Giảng



P. Viện trưởng
Viện Nghiên cứu hạt nhân

(Signature)
Nguyễn Xuân Hải

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
KPH – không phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng; (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO 17025:2017
BM 7.8.01- phiếu kết quả thử nghiệm – ban hành lần 1

TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT ĐÌNH KÈM

YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức
1	Ngoại hình	Viên xoắn chặt tương đối đồng đều, khô, rời.
2	Màu nước pha	Màu xanh vàng sáng đến vàng đậm.
3	Mùi	Thơm đặc trưng của trà oolong.
4	Vị	Chát nhẹ, hậu ngọt dịu đặc trưng của trà oolong.

2. Các chỉ tiêu lý – hóa: Áp dụng theo TCVN 9740:2013 – Chè xanh - Định nghĩa và các yêu cầu cơ bản.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức
1	Độ ẩm, không lớn hơn	%	7
2	Chất chiết trong nước, không nhỏ hơn	%	32
3	Hàm lượng tro tổng số	%	4 - 8
4	Hàm lượng tro tan trong nước (tính trên tro tổng), không nhỏ hơn	%	45
5	Độ kiềm của tro tan trong nước (tính theo KOH), không lớn hơn	%	1 - 3
6	Hàm lượng tro không tan trong axit, không lớn hơn	%	1
7	Chất xơ, không lớn hơn	%	16,5
8	Polyphenol tổng số, không nhỏ hơn	%	11
9	Catechin tổng số, không nhỏ hơn	%	7
10	Chè vụn (chè lọt sàng có kích thước mắt lưới 1mm), không lớn hơn	%	0,5
11	Chè bụi (chè lọt sàng có kích thước mắt lưới 0,35mm), không lớn hơn	%	0,05



3. **Các chỉ tiêu kim loại nặng:** Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	2
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

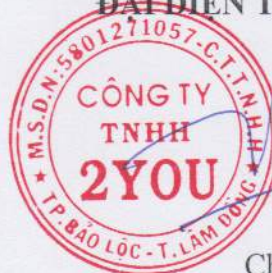
4. **Độc tố vi nấm:** Áp dụng theo QCVN 01-07:2009/BNNPTNT BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Cơ sở chế biến chè - Điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5

5. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Áp dụng theo Thông tư 19/2022/TT-BNNPTNT - Ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam và Thông tư 50/2016/TT-BYT - Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Chu Thị Thùy

